

## Trong số này

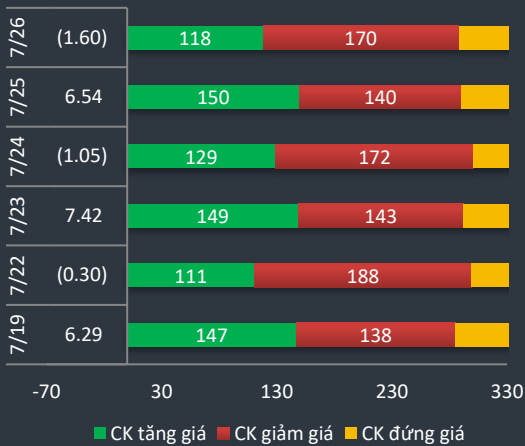
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.3**

Tin Doanh nghiệp **P.4**

Bộ lọc CP **P.5**

### Độ rộng thị trường



### Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VCB	37.2
VHM	15.5
VRE	15.2
GAS	10.8
BSR	10.5
CTD	8.7
BID	8.5
PPC	8.0
PLX	8.0
AAA	(4.6)
POW	(4.8)
HCM	(5.0)
STB	(5.8)
DXG	(5.9)
HPG	(7.5)
VNM	(22.6)

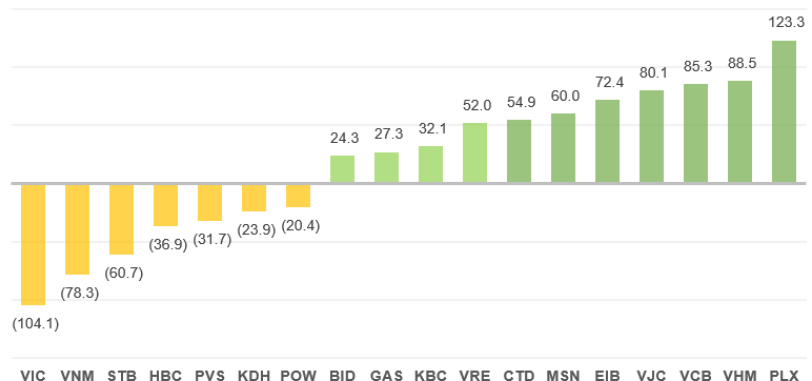
Thị trường phiên cuối tuần giảm nhẹ 1.6 điểm khi dòng tiền suy yếu và không thể tạo được sự đột biến vào cuối phiên. Một vài cổ phiếu ngân hàng như BID, VCB dù lực đẩy khá nhưng khá đơn độc so với phần còn lại đều mất điểm. Những Top cap được kỳ vọng nhất như SAB, MWG, VIC, VNM đều đỏ nhẹ, dù không nhiều nhưng cũng làm trạng thái tâm lý chung chùng lại và nhà đầu tư chuyển sang trạng thái quan sát nhiều hơn.

Một vài cổ phiếu đơn lẻ đáng chú ý trong ngày nổi bật như TCT tăng gần sát trần sau chuỗi giảm hơn 33% từ đầu tháng sáu. SZL, SZC bộ đôi hai công ty mẹ con tăng tốt nhất trong số các cổ phiếu nhóm bất động sản khu công nghiệp.

Khối ngoại kết thúc phiên cuối tuần với việc mua ròng gần 75 tỷ đồng trên cả 3 sàn. VCB(37.2 tỷ), VHM(15.5 tỷ), VRE(15.2 tỷ), GAS(10.8 tỷ), BSR(10.5 tỷ) là những cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất trong khi phía bán ròng VNM tiếp tục bị bán mạnh hơn 22 tỷ đồng bên cạnh HPG, DXG, STB, HCM. Dù kết quả kinh doanh công bố khá khả quan nhưng STB một lần nữa bị đè xuống vùng giá thấp nhất từ đầu năm là sát giá 11.

Tính chung cả tuần ngoại PLX dẫn đầu với 123.3 tỷ mua ròng còn có **VHM, VCB, VJC** đều mua ròng trên 80 tỷ đồng. Phía bán ra có **VIC (-104 tỷ), VNM 78.3 tỷ và STB 60.7 tỷ**.

### Giao dịch mua bán ròng khối ngoại



# Vnindex 993.35

▼ -1.6 (-0.16%)

## Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
BID	35.8	600	1.70
VCB	78.5	800	1.03
KDH	21.8	200	0.93
BVH	85.4	600	0.71
HPG	22.6	150	0.67
FPT	48.8	150	0.31
SSI	24.4	50	0.21
PLX	65.8	100	0.15
MSN	80.9	100	0.12
VHM	87.5	-	-
PNJ	78.2	-	-
GAS	108.0	-	-
POW	14.2	-	-
VJC	133.0	-	-
DHG	101.5	-	-
HVN	42.8	(50)	(0.12)
TPB	23.0	(50)	(0.22)
MBB	22.4	(50)	(0.22)
CTG	21.2	(50)	(0.24)
VRE	37.4	(100)	(0.27)
VPB	18.8	(50)	(0.27)
NVL	58.3	(200)	(0.34)
HDB	26.1	(100)	(0.38)
STB	11.2	(50)	(0.45)
TCB	20.8	(100)	(0.48)
VNM	124.5	(600)	(0.48)
VIC	122.1	(1,100)	(0.89)
MWG	106.7	(1,200)	(1.11)
EIB	17.7	(200)	(1.12)
ROS	27.5	(350)	(1.26)
HNG	17.9	(250)	(1.38)
SAB	278.9	(4,100)	(1.45)
BHN	93.0	(1,800)	(1.90)



Chỉ số Vnindex đã có 1 tuần giao dịch khá thành công khi tăng hơn 10 điểm. Thanh khoản vẫn giữ ở mức khá trên trung bình và chưa thấy tín hiệu bán ra mạnh. Nhiều cổ phiếu sau giai đoạn tăng nóng đã chững lại và tín hiệu phân phối đang xuất hiện dần khi sự kỳ vọng gần như đã đạt được và thay thế vào đó là sự thận trọng đang tăng dần lên. Khá nhiều cổ phiếu lớn đã công bố báo cáo tài chính Q2 vì vậy yếu tố bất ngờ đã hạ nhiệt và thị trường sẽ chờ đón những tin tức mới từ hoạt động vĩ mô và môi trường quốc tế để tạo động lực. Điểm kỳ vọng hiện tại là các tín hiệu kỹ thuật thống kê cho thấy chỉ số vẫn gia tăng chậm nhưng chắc chắn và đường sức mạnh RSI chưa tiến đến vùng quá mua mạnh phía trên. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, lưu ý hạ dần các tỷ lệ margin và có thể chối lãi dần với các cổ phiếu đạt mục tiêu kỳ vọng.

### Tin doanh nghiệp MWG:

Công ty CP thế giới di động MWG vừa công bố kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm với doanh thu tăng 16% đạt **51,727 tỷ đồng**, lợi nhuận sau thuế tăng trưởng ấn tượng **38%** đạt **2,121 tỷ** - hoàn thành 59% kế hoạch lợi nhuận năm.

Doanh thu của điện máy xanh vẫn nắm vai trò trọng tâm tăng 22% so với cùng kỳ nhờ việc mở rộng, chuyển đổi cửa hàng. Các yếu tố chi phí cơ bản cắt giảm giúp biên lợi nhuận tăng thêm. Có thể thấy hoạt động doanh thu các ngành hàng truyền thống của MWG giảm sút do yếu tố thị trường chung nhưng được bù lại bằng các nhóm ngành hàng mới như đồng hồ có biên lợi nhuận cao hơn. Điều này giúp MWG dù doanh thu tăng trưởng không ấn tượng lắm nhưng lợi nhuận thì vượt trội.

Bách Hóa Xanh có 600 cửa hàng tính đến cuối tháng 6. Doanh thu trung bình cửa hàng tiếp tục tăng lên đến hơn 1.5 tỷ đồng/tháng, tăng 25% trong nửa đầu năm. Tỷ lệ đóng góp của hàng tươi sống, hàng mát và đông lạnh vượt quá 50% của chuỗi này. Xu hướng của BHX sẽ mở rộng theo hướng diện tích tầm trung trên 300m2 và tốc độ mở rộng chuỗi sẽ tăng rất nhanh từ nay đến sang năm và sẽ dần trở thành động lực chính của MWG.

Với kết quả kinh doanh Q2, **EPS 4 quý** của MWG trên **7,800** và **PE** đang ở mức **13.6** - ở mức khá hấp dẫn so với giai đoạn đỉnh cao PE trên 18 của CP này.

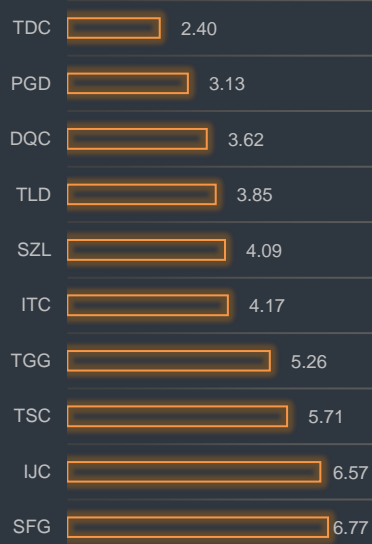


## Tổng hợp kết quả kinh doanh Quý 2.2019

	Giá	LN6T	EPS 4	EPS	Nhận xét
		2019E	quý	2018F	
	+/-	PE	PE 2018F		
<b>PVD</b>	18.20	<b>24.0</b> -107.8%	<b>1,364</b> 13.3	<b>261</b> 69.7	Doanh thu 6 tháng đạt 1,941 tỷ đồng, bằng 50,4% kế hoạch năm 2019. Lợi nhuận sau thuế khoảng 24 tỷ đồng. Quý I, PV Drilling lỗ hơn 87 tỷ đồng, vì vậy công ty đã lãi hơn 111 tỷ đồng trong quý II, so với con số 67 tỷ năm ngoái. Hiện nay toàn bộ 4 giàn tự nâng của Tổng công ty đang thực hiện các chiến dịch khoan tại Malaysia đến cuối năm 2020. PV Drilling đã ký hợp đồng thuê thêm giàn HAKURYU 11 - JDC cung cấp cho chiến dịch khoan của Idemitsu tại mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt trong giai đoạn từ tháng 10/2019.
<b>HPG</b>	22.4	<b>3,860.0</b> -12.4%	<b>2,907</b> 7.7	<b>2,246</b> 10.0	HPG vừa công bố quý 2 đạt doanh thu 15,300 tỷ, lợi nhuận sau thuế 2,050 tỷ, cao hơn quý 1 hơn 200 tỷ và thấp hơn cùng kỳ năm trước 150 tỷ (giảm 7%). 6 tháng, doanh thu của tập đoàn đạt 30.400 tỷ, lợi nhuận sau thuế đạt 3.860 tỷ. Tháng 3 sang năm HPG sẽ ra thép cán nóng. Giá quặng sắt đang tăng mạnh vượt 120 USD/tấn, gần gấp đôi cùng kỳ năm trước, Ngành thép của thế giới và Việt Nam rất khó khăn.
<b>GAS</b>	108.00	<b>6,037.0</b> 6.3%	<b>6,510</b> 16.6	<b>6,792</b> 15.9	GAS báo cáo kết quả kinh doanh Q2 với doanh thu thuần 20,353 tỷ đồng, gần bằng với cùng kỳ, chi phí tài chính với lãi vay giảm ½ còn 54.7 tỷ đồng. Các khoản chi phí bán hàng giảm 13% so với cùng kỳ nhưng khoản chi phí khác tăng mạnh làm LNST Q2 giảm nhẹ so cùng kỳ. Tổng kết 6 tháng doanh thu GAS đạt gần 39 ngàn tỷ, tăng 2.1% và LNST đạt 5,678 tỷ, tăng 6.3% so với 6T 2018. GAS cho biết LN Q2 sụt giảm so giá dầu giảm 7% so với cùng kỳ năm trước.
<b>NT2</b>	25.6	<b>386.6</b> -23.2%	<b>2,310</b> 11.1	<b>2,581</b> 9.9	6 tháng đầu năm, DT của NT2 đạt 4,015 tỉ đồng, giảm nhẹ so với cùng kỳ. LNST 386.6 tỉ đồng, giảm 23%. Năm 2019 Nhơn Trạch 2 đạt mục tiêu tổng doanh thu đạt 7,482 tỉ đồng và lợi nhuận trước thuế ước đạt 782 tỉ đồng, giảm 5% so với thực hiện 2018. Nguyên nhân lợi nhuận gộp 6 tháng giảm là tỉ lệ doanh thu sản xuất điện thấp hơn tỉ lệ tăng giá vốn sản xuất điện (chủ yếu là chi phí nhiên liệu khí).
<b>CTD</b>	113.00	<b>312.6</b> -56.5%	<b>14,465</b> 7.8	<b>13,616</b> 8.3	Quý 2/2019 doanh thu thuần đạt 5,788 tỷ đồng giảm 30% so với cùng kỳ, giá vốn hàng bán chiếm gần 97% nên CTD chỉ còn gần 184 tỷ đồng, lợi nhuận gộp giảm 67%. LNST Q2 chỉ đạt 123.8 tỷ trong đó 1/2 là 72 tỷ đến từ tiền lãi ngân hàng. Tính chung 6 tháng đầu năm, CTD đạt doanh thu 10,038 giảm -20.4% và LNST 312 tỷ, giảm -56.5% so cùng kỳ. Kế hoạch năm 2019 lợi nhuận 1,300 tỷ.
<b>D2D</b>	80.5	<b>83.4</b> 106.8%	<b>6,449</b> 12.5	<b>5,631</b> 14.3	6 tháng 2019, D2D đạt DT giảm 5% còn 122 tỷ đồng. Tuy nhiên, biên lợi nhuận hiệu quả hơn giúp D2D đạt mức lãi 83 tỷ đồng, gấp đôi cùng kỳ năm 2018. Với kết quả 6 tháng, công ty thực hiện hơn 93% kế hoạch lợi nhuận năm. D2D có tổng tài sản hơn 2,200 tỷ đồng; riêng khoản mục tiền và tiền gửi ngân hàng chiếm đến 1,467 tỷ đồng. Về nguồn vốn, đang ghi nhận 954 tỷ đồng người mua trả tiền trước ngắn hạn (chủ yếu là trả trước cho KDC Lộc An) và 657 tỷ doanh thu dài hạn chưa thực hiện.
<b>PTB</b>	69.40	<b>193.0</b> 16.5%	<b>8,704</b> 8.0	<b>9,683</b> 7.2	PTB đạt DT hợp nhất 2,605 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ, lợi nhuận trước và sau thuế lần lượt là 235 tỷ đồng và 193 tỷ đồng, tăng 16% và 13%. Doanh thu và LNST lũy kế 6 tháng đầu năm lần lượt đạt 44% và 42% kế hoạch năm. Về kế hoạch hoạt động trong quý III, công ty đặt chỉ tiêu doanh thu hợp nhất là 1.468 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế là 142 tỷ đồng.
<b>TCM</b>	26.5	<b>117.0</b> 0.7%	<b>4,489</b> 5.9	<b>4,178</b> 6.3	TCM công bố hoạt động 6 tháng đầu năm, doanh thu Tập đoàn ghi nhận khoảng 74.4 triệu USD, tương đương 1,711 tỷ đồng và tăng 7% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế 5.1 triệu USD, tương đương 117 tỷ đồng và tăng 11%. So với kế hoạch doanh thu 3.952 tỷ và lợi nhuận sau thuế 242 tỷ đồng năm nay, nửa chặng đường vừa qua TCM đã thực hiện được 48% chỉ năm.

# HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

## Top tăng giá HOSE



## Top tăng giá HNX



**PVI** - CTCP PVI - Công bố báo cáo tài chính quý II/2019 với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 2.765,23 tỷ đồng, tăng hơn 31% so với cùng kỳ; Lợi nhuận trước thuế trong quý II/2019 đạt 581,75 tỷ đồng, tăng 89,14%; lợi nhuận sau thuế 223,78 tỷ đồng, gấp hơn 3 lần quý II/2018.

**BMP** - CTCP Nhựa Bình Minh - Công bố báo cáo tài chính quý II/2019 với doanh thu thuần hơn 1.177 tỷ đồng, tăng 6,6% so với cùng kỳ năm ngoái, nhưng lợi nhuận sau thuế giảm 14,2% xuống 118,9 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2019, BMP đạt doanh thu thuần đạt 2.108,6 tỷ đồng, tăng 21,8% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế đạt 210 tỷ đồng, giảm 6,7%.

**LGL** - CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang - Thông báo đã hoàn tất việc mua 720.000 cổ phần, tương đương 40%/vốn CTCP Xây dựng Hạ Long.

**PVD** - Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí - Doanh thu ước thực hiện 6 tháng đạt 1.941 tỷ đồng, bằng 50,4% kế hoạch năm 2019. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc về cổ đông Công ty mẹ khoảng 24 tỷ đồng, so với kế hoạch không lỗ.

Ngày 29/7 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2017, ngày đăng ký cuối cùng là 30/7. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10%, tương đương PVD sẽ phát hành thêm hơn 38,28 triệu cổ phiếu mới.

**POW** - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Thông báo doanh thu tăng 3% lên mức 18.619 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế của PV Power đạt 1.891 tỷ đồng, tăng hơn 30%. Lợi nhuận sau thuế tăng 29% lên 1.706 tỷ đồng.

**VIP** - Công ty cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO – Quý 2/2019 doanh thu giảm 30,1% do giá cước các tàu giảm so với năm 2018. Sau khi trừ chi phí công ty vẫn tiếp tục lỗ, tuy nhiên, khoản lỗ giảm từ 17,7 tỷ đồng xuống còn 12,2 tỷ đồng.

**BCC** - CTCP Xi măng Bim Sơn - Công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý II/2019 với doanh thu giảm nhẹ 1% so với cùng kỳ, đạt 991 tỷ đồng. Sau khi trừ chi phí lợi nhuận sau thuế đạt 57,35 tỷ đồng, gấp 2,6 lần lợi nhuận đạt được quý II năm ngoái. Trong đó lợi nhuận sau thuế thuộc về công ty mẹ đạt 58,8 tỷ đồng.

**BWE** - CTCP Nước – Môi trường Bình Dương – Đã công bố báo cáo tài chính quý II với doanh thu tăng nhẹ lên 642 tỷ đồng. Nhờ biên lãi gộp tốt hơn giúp công ty có lợi nhuận gộp tăng 10% lên 244 tỷ đồng. Sau khi trừ chi phí BWE ghi nhận lợi nhuận sau thuế tăng 153% lên hơn 103 tỷ đồng.

## Kết quả giao dịch CW trong ngày

Mã CK	Cty PH	Thời hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá CS thực hiện	Giá CS hòa vốn (A)	Giá CW PH (B)	Giá CP cơ sở (C)	Giá CW Đóng cửa (D)	% trong ngày	KLGD	CW đã tăng (D)/(B)	Giá CS so với hòa vốn (C)/(A)	Ngày đáo hạn
CFPT1901	VND	3	2:01	45	48.8	1,900	48.8	3,290	-1.8%	37,17	73%	0.0%	11-09
CFPT1902	SSI	3	1:01	46	49.8	3,800	48.8	5,170	2.2%	60,97	36%	-2.0%	30-09
CFPT1903	SSI	6	1:01	46	52	6,000	48.8	7,300	-0.1%	38,53	22%	-6.2%	30-12
CHPG1901	MBS	3	2:01	22.9	25.3	1,200	22.6	1,150	0.9%	47,99	-4%	-10.7%	10-09
CHPG1902	KIS	6	5:01	41.999	46.999	1,000	22.6	560	0%	337,12	-44%	-51.9%	11-12
CHPG1903	VPS	3	2:01	23.2	26.2	1,500	22.6	900	0%	55,12	-40%	-13.7%	12-09
CHPG1904	SSI	3	1:01	23.1	25.3	2,200	22.6	1,900	-1.6%	80,30	-14%	-10.7%	30-09
CHPG1905	SSI	6	1:01	23.1	26.4	3,300	22.6	3,130	2.6%	144,65	-5%	-14.4%	30-12
CMBB1901	SSI	3	1:01	20.6	22.5	1,900	22.4	2,840	-1.4%	74,59	49%	-0.4%	16-09
CMBB1902	HSC	6	1:01	21.8	25	3,200	22.4	3,440	-1.7%	31,58	8%	-10.4%	17-12
CMWG1901	BSC	3	4:01	88.3	96.3	2,000	106.7	5,250	-1.3%	33,08	163%	10.8%	09-09
CMWG1902	VND	6	0.167	90	101.96	2,990	106.7	5,640	-2.6%	58,90	89%	4.6%	11-12
CMWG1903	SSI	6	1:01	90	104	14,000	106.7	4,400	-1.1%	225,72	-69%	2.6%	30-12
CMWG1904	HSC	6	5:01	95	108.5	2,700	106.7	23,030	-6%	92,39	753%	-1.7%	26-12
CPNJ1901	MBS	3	5:01	78.8	87.3	1,700	78.2	2,180	-8.8%	36,21	28%	-10.4%	10-09
CVNM1901	KIS	6	10:01	158.888	170.888	1,200	124.5	1,010	-4.7%	163,69	-16%	-27.1%	14-12

## Giao dịch khối ngoại CP Ngân Hàng trong ngày

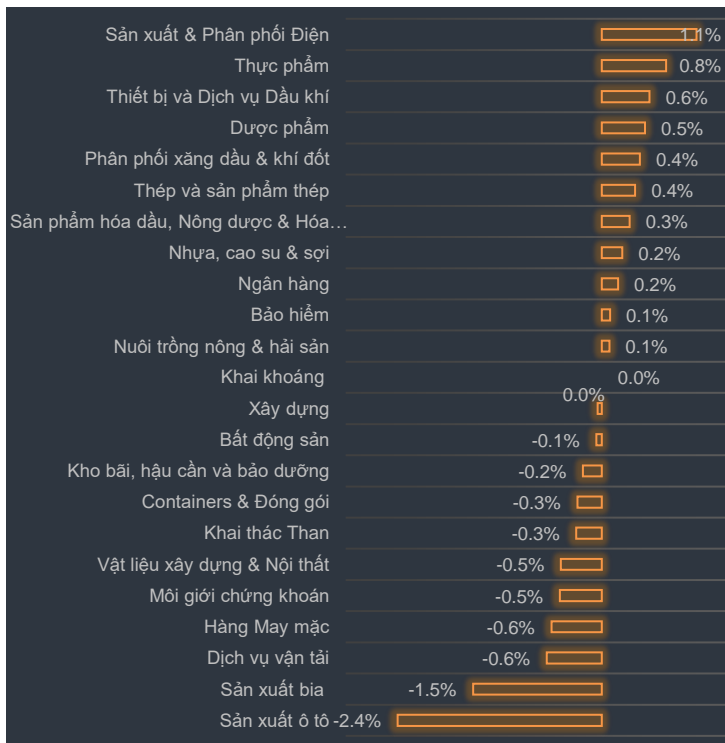
Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL Mua	KL Bán	Room NN (còn lại)	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS
VCB	HOSE	78.5	74,392	18.0	4.0	540,310	69,930	225,714,320	291,147	23.91	4,372
CTG	HOSE	21.2	43,189	14.3	1.1	10,020	40	10,025	78,936	30.00	1,483
BID	HOSE	35.8	77,774	16.7	2.3	270,430	32,760	916,079,121	122,390	3.20	2,150
MBB	HOSE	22.4	99,304	7.4	1.4	-	-	2	47,340	20.00	3,029
TCB	HOSE	20.8	26,376	8.5	1.4	20,000	20,000	6	72,729	22.51	2,434
VPB	HOSE	18.8	17,011	6.9	1.3	43,000	43,000	-	46,187	22.72	2,718
STB	HOSE	11.2	35,990	9.0	0.8	430,730	944,400	182,369,388	20,201	13.96	1,241
EIB	HOSE	17.7	57,086	43.8	1.4	170	-	125,940	21,761	29.99	404
HDB	HOSE	26.1	35,837	8.9	1.6	100	3,000	56,559,735	25,604	24.23	2,939
TPB	HOSE	23	10,319	9.8	1.7	-	16,000	4	19,563	30.00	2,343
SHB	HNX	6.9	53,546	4.7	0.5	89,500	-	243,041,802	8,302	16.02	1,457
ACB	HNX	23.4	24,982	6.0	1.3	-	-	-	29,184	30.00	3,877
NVB	HNX	8	11,526	67.9	0.8	-	-	122,953,671	3,858	0.04	118
LPB	UPCOM	8.1	5,927	7.1	0.6	-	-	6,203,794	7,194	4.30	1,145
BAB	UPCOM	20.5	115	15.9	1.5	-	-	165,000,000	11,275	-	1,287
VIB	UPCOM	19.1	5,831	5.9	1.3	-	-	-	14,503	20.50	3,232
KLB	UPCOM	10	8	13.5	0.8	-	-	97,108,738	3,199	-	741
			<b>579,212</b>	<b>15.55</b>	<b>1.40</b>	<b>1,404,260</b>	<b>1,129,130</b>	<b>2,015,166,546</b>	<b>823,372</b>		<b>2,057</b>



**Biến động VN30 trong ngày: EPS trung bình: 3,875. PE: 16.3**

VN30	Giá	%	TB KLGD 5 phiên gần nhất	NN Mua	NN Bán	EPS	PE	P/Bv	Giá thấp nhất 6T	Giá cao nhất 6T	RSI
VCB	78.5	1.03	37,420	540,310	69,930	4,372	18.0	4.0	55.5	79	64.2
HPG	22.6	0.67	273,066	2,702,720	3,029,460	2,956	7.6	1.5	20.6	27.2	52.3
GMD	26.7	0.38	261,634	-	-	2,323	11.5	1.3	25.5	28.4	47.8
FPT	48.8	0.31	687,678	100	-	4,043	12.1	2.5	37.5	48.8	68.3
SSI	24.4	0.21	88,064	41,980	38,240	1,901	12.8	1.3	24.4	29.5	38.6
MSN	80.9	0.12	142,420	186,660	177,560	4,485	18.0	3.1	75.8	91.3	45.5
VHM	87.5	0	175,486	356,030	177,990	3,842	22.8	6.4	77.5	96.7	68.5
PNJ	78.2	0	2,896,964	-	-	4,797	16.3	4.3	69.4	81.2	64.7
GAS	108	0	187,070	157,770	58,410	6,543	16.5	4.7	86.1	114	57.9
VJC	133	0	110,786	22,490	51,540	9,812	13.6	4.6	109.5	133	67
DHG	101.5	0	508,044	5,010	-	4,726	21.5	4.4	82	119.4	38.7
MBB	22.4	-0.22	104,534	-	-	3,029	7.4	1.4	20.2	22.7	66.8
CII	22	-0.23	326,326	250	25,000	225	97.9	1.1	21.6	25.5	45.9
CTG	21.2	-0.24	2,493,446	10,020	40	1,483	14.3	1.1	19.5	23.4	50.7
CTD	112.7	-0.27	1,069,782	77,450	180	18,125	6.2	1.0	96.8	146	63.5
VRE	37.4	-0.27	1,063,534	898,140	493,310	1,064	35.2	3.0	28.2	37.5	63.7
VPB	18.8	-0.27	68,916	43,000	43,000	2,718	6.9	1.3	17.9	22.5	41.6
NVL	58.3	-0.34	323,446	12,790	-	3,722	15.7	2.8	55.5	62.5	46.1
HDB	26.1	-0.38	25,280	100	3,000	2,939	8.9	1.6	26	31.9	45.1
STB	11.2	-0.45	898,948	430,730	944,400	1,241	9.0	0.8	11.2	13.1	39.7
TCB	20.8	-0.48	3,502,658	20,000	20,000	2,434	8.5	1.4	20.1	27.8	45.8
VNM	124.5	-0.48	807,122	89,960	270,900	5,924	21.0	7.7	123	149.8	48.8
SBT	16.3	-0.61	81,332	2,140	64,870	850	19.2	1.4	16.3	20.7	27.7
VIC	122.1	-0.89	206,266	113,410	133,750	1,049	116.4	5.8	98.8	123.2	70.9
MWG	106.7	-1.11	185,934	-	-	7,177	14.9	4.7	80	108.9	78.4
EIB	17.7	-1.12	1,653,746	170	-	404	43.8	1.4	16	18.8	44.5
ROS	27.5	-1.26	731,224	28,040	300	327	84.0	2.7	27.4	35.7	36.8
DPM	14.7	-1.34	92,420	100	122,540	1,460	10.1	0.7	14.9	22.2	31.7
SAB	278.9	-1.45	188,690	32,540	32,360	6,678	41.8	11.1	231	289	56.7
REE	32.8	-1.5	24,344	-	-	5,617	5.8	1.1	31	34.7	52.9
				<b>7,012,630</b>	<b>6,967,300</b>	<b>3,875</b>	<b>16.33</b>				

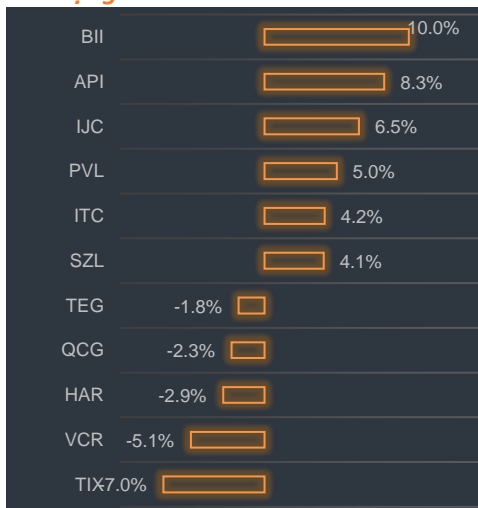
# Tăng giảm ngành trong ngày



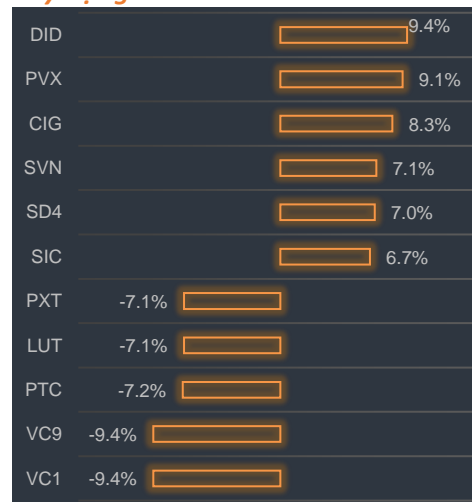
## Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

<b>Bất động sản:</b>	BII, API, IJC
<b>Xây dựng:</b>	DID, PVX, CIG
<b>Dầu khí:</b>	PVE, PGD, PGS
<b>Chứng khoán:</b>	VIG, BSI, SHS
<b>Ngân hàng:</b>	BID, VCB, SHB

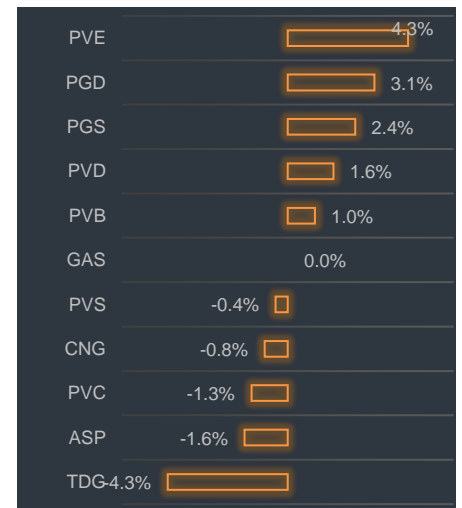
### Bất động sản



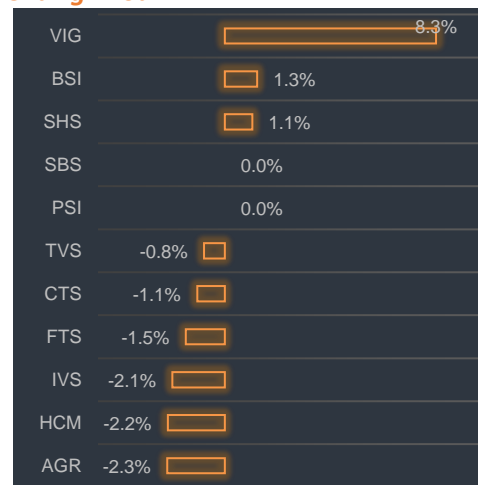
### Xây dựng



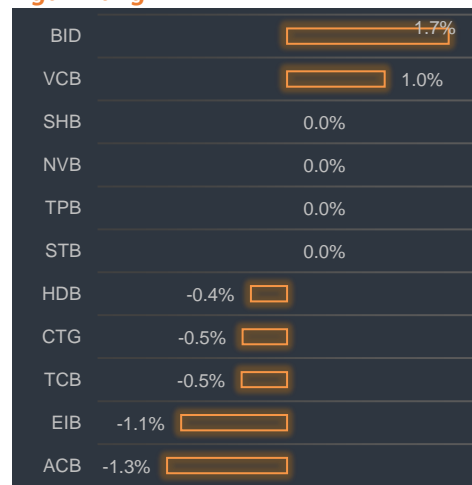
### Dầu khí



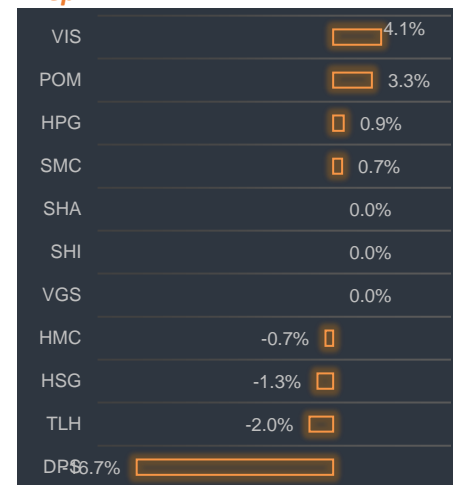
### Chứng khoán



### Ngân hàng



### Thép





## BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh

Tel: 0983.999.350

khanhnh@vise.com.vn

## Khuyến cáo

*Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.*

*Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.*

*Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.*

**VISecurities**  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: +(84 4) 3 944 5888, Fax: +(84 4) 3 944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: + (84 8) 3915 2930

Fax: + (84 8) 3915 2931